

日本でのエスカレーターの乗り方ルール

Quy tắc khi đi thang cuốn ở Nhật Bản

左は止まって乗る人、右は歩いてのぼる人のためのスペース

Khoảng trống bên trái dành cho những người đứng lại, và khoảng trống bên phải dành cho những người đi bộ lên.

九州に住む友人のベトナム人、アインさんが駅でエスカレーターに乗っていると、男の人に後ろから肩をたたかれ、「左に寄って」と言われました。アインさんはその人の不機嫌な声と表情が今でも忘れられません。何のことか分からず、取りあえず左に寄ると、その人はアインさんがそれまで立っていた場所をすり抜けてエスカレーターを急ぎ足でのぼっていきました。

Bạn Anh, người bạn Việt Nam của tôi sống ở Kyushu đang đi thang cuốn ở ga xe điện thì có một người đàn ông vỗ nhẹ vào vai anh từ phía sau và bảo anh di chuyển sang bên trái. Anh vẫn không thể quên được giọng nói và vẻ mặt không hài lòng của người đó. Không biết chuyện gì đang xảy ra, bạn tôi ngập ngừng di chuyển sang bên trái, và người đó lướt qua nơi bạn Anh vừa đứng và vội vã đi lên thang cuốn.

立ちどまりたければ左側に Muốn đứng lại thì đứng phía bên trái.

アインさんはベトナムでの習慣から、エスカレーターに乗った後、友だちと並んで立っていました。これは、ベトナムに限らずアジア・東南アジアの国々では一般的なことです。

Thông thường ở Việt Nam, Anh đã đứng cạnh bạn bè sau khi đi thang cuốn. Điều này phổ biến không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các nước khác ở châu Á và Đông Nam Á.

しかし、日本では、「エスカレーターに乗ったら1列に並ぶ」という文化がしっかりと築かれています。通常、エスカレーターに乗った際は、左側(関西では右側)に寄って立つ必要があります、もう一方のスペースは急ぐ人(立ち止まらずにのぼったりおりたりしたい人)のために空けておくのです。

Tuy nhiên, ở Nhật Bản, văn hóa “ xếp hàng thành hàng một khi đi thang cuốn ” đã được hình thành vững chắc. Thông thường, khi lên thang cuốn bạn cần đứng ở phía bên trái (và phía bên phải ở Kansai), chừa khoảng trống còn lại cho những người đang vội (những người muốn đi lên đi xuống mà không dừng lại).

皆さんも日本の都会を何度か訪れたら分かりますが、日本人は全体的にとっても“忙しい”人たちです。都会の朝の通勤ラッシュ時には、たくさんの人々が足早に駅構内を歩き、職場へと急ぎます。夕方の帰宅ラッシュは、朝に比べると少しだけおだやかな雰囲気ですが、通勤時間が長いので、早く家に帰ってご飯を食べたいのか、あるいは飲み会のために急いでいるのか、やはり急ぎ足で歩く人が多いです。朝夕の通勤ラッシュで足早に歩く人の群れ。これは日本の名物とも言えます。

Mọi người sẽ hiểu nếu đã đến thăm các thành phố của Nhật Bản nhiều lần, người Nhật nhìn chung là những người rất “bận rộn”. Trong giờ cao điểm buổi sáng ở thành phố, nhiều người vội vã đi bộ qua khuôn viên nhà ga để đến nơi làm việc. Sự vội vã về nhà vào buổi tối êm dịu hơn một chút so với buổi sáng, nhưng vì quãng đường đi làm dài nên mọi người vẫn bước đi rất nhanh, dù là để về nhà sớm ăn cơm hay đang vội đi dự tiệc. Có rất nhiều người đi bộ nhanh trong giờ cao điểm buổi sáng và buổi tối. Đây có thể nói là một đặc trưng của Nhật Bản.

昔からの根付いた習慣 Phong tục tập quán từ ngày xưa

そんな中、日本では、電車の乗り換えや会社の始業に急がないと間に合わない人たちがエスカレーターを急ぎ足でのぼったりおりたりできるように、エスカレーターの片側を開けておく習慣がずっと昔からあるのです。

Trong khi đó, ở Nhật Bản từ lâu đã có phong tục để ngỏ một bên thang cuốn để những người phải vội đổi tàu hoặc bắt đầu công việc có thể nhanh chóng lên hoặc xuống thang cuốn.

エスカレーターに普通の乗り方をする場合、つまり立ち止まって乗る場合、通常は左側に1列で乗り、歩いて登ったり降りたりしたい人が通れるように、右側のスペースを空けておきます。ただし、なぜか大阪とその周辺地域だけは、通常の人が右側、急ぐ人が左側となっています。これは、まわりの人たちの乗り方を観察すれば、すぐに判断できます。

Khi bạn đi thang cuốn bình thường, tức là khi bạn đứng yên, bạn thường đi một hàng ở bên trái, chừa khoảng trống ở bên phải cho những người muốn đi lên xuống. Tuy nhiên, không hiểu vì lý do gì mà chỉ ở Osaka và các vùng lân cận, người đi bình thường ở bên phải và người vội ở bên trái. Bạn có thể dễ dàng xác định điều này bằng cách quan sát cách những người xung quanh bạn đi thang cuốn.

エスカレーターの片側のスペースを空ける。この習慣は通勤・通学タイム以外にも“適用”されています。日本では、昼間や深夜でも、何らかの理由で道を急ぐ人がたくさんいますので、エスカレーターに乗るときは、やはり1列に乗るのが原則です。列からはみ出て急ぎの人のためのスペースをふさぐと、冒頭で紹介したアインさんのように、ほかの人たちの迷惑になってしまいます。

Chừa khoảng trống ở một bên của thang cuốn. Thói quen này còn được “áp dụng” vào những thời điểm khác ngoài việc đi làm, đi học. Ở Nhật Bản, có rất nhiều người vì lý do nào đó vội vã, kể cả vào ban ngày hay đêm khuya, nên khi đi thang cuốn, quy định chung là phải đứng thành hàng một. Nếu bạn bước ra khỏi hàng và chặn không gian của người đang vội, bạn sẽ gây bất tiện cho người khác, như Anh đã giới thiệu ở phần đầu.

本当は、鉄道会社もショッピングセンターも「エスカレーターには立ち止まってお乗りください」と場内アナウンスなどで呼びかけているのですが、忙しい国・日本では、なかなかそうもいかないようです。日本で働く外国人の皆さんも、この「忙しい文化」に早く慣れてくださいね。

Trên thực tế, cả công ty đường sắt và trung tâm mua sắm đều đưa ra thông báo yêu cầu mọi người trên loa phát thanh rằng “đứng lại khi đi thang cuốn”, nhưng ở Nhật Bản, một đất nước bận rộn, có vẻ như điều này không phải lúc nào cũng đúng. Đối với tất cả những người nước ngoài làm việc tại Nhật Bản, hãy làm quen với “văn hóa bận rộn” này càng sớm càng tốt.

大阪などの関西エリアでは右に並びます

Ở khu vực Kansai như Osaka, hãy xếp hàng bên phải.

未来へつなげる大切なヒント

Gợi ý quan trọng dẫn tới tương lai.

闇バイトに関与しないために

Để tránh tham gia vào các công việc phạm pháp (công việc đen)

最近、「闇バイト」に関するニュースを目にする機会が増えているかと思います。

闇バイトとは、強盗や詐欺のような犯罪行為をすることで報酬を受け取るアルバイトのことです。一般的なアルバイトの求人と見分けがつきにくいので、意図せず手を出して罪を犯してしまうというケースが相次いでいます。

今月は、闇バイトについて知識を深めていきましょう。

Gần đây, có lẽ bạn đã thấy ngày càng nhiều tin tức liên quan đến “công việc đen”.

“Công việc đen” là những công việc làm thêm mà người ta nhận thù lao bằng cách thực hiện các hành vi phạm tội như cướp bóc hoặc lừa đảo. Vì rất khó phân biệt với các công việc làm thêm thông thường, nên có nhiều trường hợp người ta vô tình tham gia và phạm tội.

Tháng này, hãy cùng tìm hiểu kỹ hơn về “công việc đen”.

闇バイトの実態 Thực trạng của công việc đen

闇バイトの主犯は、SNSやインターネット掲示板などで「簡単に高収入が得られる」などの言葉で誘い、実行役を増やそうとします。

後から犯罪だと気づいてやめようとしても、「家族や職場にばらす」などと入手した個人情報や盾に脅され逮捕されるまでやめられず、当然報酬ももらえません。

応募する人の大半が、借金を抱えて首が回らない中で好条件の仕事を見つけたと思いい、つい手を出してしまう傾向があります。

Những kẻ cầm đầu “công việc đen” thường dụ dỗ bằng các lời chào mời như “Dễ dàng kiếm thu nhập cao” trên mạng xã hội hoặc các diễn đàn trực tuyến, nhằm tăng số lượng người thực hiện.

Ngay cả khi nhận ra đây là hành vi phạm tội và muốn dừng lại, bạn vẫn có thể bị đe dọa bằng thông tin cá nhân mà họ đã thu thập được, như “sẽ tiết lộ với gia đình hoặc nơi làm việc của bạn”, và không thể thoát ra cho đến khi bị bắt. Tất nhiên, bạn cũng sẽ không nhận được bất kỳ khoản thù lao nào.

Phần lớn những người tham gia là những người đang mắc nợ, không tìm được lối thoát và vô tình bị cuốn vào các công việc có điều kiện hấp dẫn.

闇バイトかどうかを見極めるポイント Các điểm cần lưu ý để phân biệt “công việc đen”

実際の闇バイトの求人広告によくある事例を、いくつか紹介します。

Dưới đây là một số ví dụ thường thấy trong các quảng cáo tuyển dụng của “công việc đen”:

仕事内容が曖昧 Nội dung công việc không rõ ràng

闇バイトの仕事内容は、曖昧で誰にでも出来そうな単純作業のように思えるものがほとんどです。例えば「段ボールを運ぶだけ」「電話をかけるだけ」のような「～だけ」という表現には要注意です。

Công việc của “công việc đen” thường được mô tả một cách mơ hồ và có vẻ như là các công việc đơn giản mà ai cũng có thể làm được. Ví dụ như “chỉ cần vận chuyển thùng giấy” hoặc “chỉ cần gọi điện thoại”. Hãy cẩn thận với các cụm từ như “chỉ cần ~”.

報酬が高すぎたり、すぐに支払われることが強調されている

Thù lao quá cao hoặc nhấn mạnh việc thanh toán ngay lập tức

そもそもそんな簡単な作業にも関わらず、相場に見合わない高収入が得られることが不自然です。高額な報酬の裏には、違法な業務や倫理に反する行為が含まれている場合がほとんどです。

また「即日即金」「即日払い」のようなフレーズにも注意が必要です。

Nếu công việc đơn giản như vậy mà lại có mức thù lao cao không phù hợp với mặt bằng chung, đó là dấu hiệu bất thường. Đằng sau những khoản thù lao cao bất hợp lý thường ẩn chứa các hoạt động phi pháp hoặc trái đạo đức.

Hãy cẩn thận với những cụm từ như “nhận tiền ngay trong ngày” hoặc “thanh toán liền tay”.

連絡手段がSNSのみ Chỉ liên lạc qua mạng xã hội (SNS)

SNSは匿名での投稿や、アカウントやメッセージの削除も容易に出来るので、応募後の連絡が電話やメールではなくSNSでのみ行われます。そこから匿名性の高いアプリに誘導させ、応募者の個人情報等を奪おうとします。

Mạng xã hội cho phép ẩn danh, dễ dàng xóa tài khoản hoặc tin nhắn. Sau khi bạn ứng tuyển, họ sẽ không liên lạc qua điện thoại hay email mà chỉ qua mạng xã hội. Từ đó, họ có thể dẫn dụ bạn sử dụng các ứng dụng có tính ẩn danh cao để chiếm đoạt thông tin cá nhân.

闇バイトの隠語が記載されている Có các từ lóng liên quan đến “công việc đen”

以下のワードが記載されていたり、ハッシュタグに含まれている場合は闇バイトに関する応募情報です。

Nếu quảng cáo có chứa các từ lóng dưới đây hoặc hashtag liên quan, đó có thể là “công việc đen”:

・受け: 現金やキャッシュカードを受け取る「受け子」

Người nhận: Những người nhận tiền mặt hoặc thẻ ngân hàng

・叩き: 自宅やお店に押し入る「強盗」Tấn công: Hành vi cướp bóc vào nhà dân hoặc cửa tiệm

・出し: だまし取ったキャッシュカードから現金を引き出す「出し子」

Rút tiền: Người rút tiền mặt từ các thẻ ngân hàng bị lừa đảo

・UD: U=受け子、D=出し子 UD: U là “người nhận”, D là “người rút tiền”

もし闇バイトに関わってしまったら Nếu vô tình liên quan đến công việc đen

そのつもりはないのに気づいたら闇バイトに関与していたという状況は、皆さんにも可能性は十分あります。その時は一人で悩まずに、まず警察や専用窓口に相談しましょう。実際闇バイトだとわかってすぐに相談したことで、犯罪に加担せずにすんだという事例は多数報告されています。早期解決に繋げる為にも、気づいた時点で勇気を出して相談することが大切です。

Bạn có thể rơi vào tình huống vô tình liên quan đến “công việc đen”. Trong trường hợp đó, đừng giữ kín trong lòng, hãy liên hệ với cảnh sát hoặc các đường dây hỗ trợ ngay lập tức.

Thực tế, đã có nhiều báo cáo về việc những người nhận ra sớm và tìm sự hỗ trợ kịp thời đã tránh được việc tiếp tay cho tội ác.

Để giải quyết vấn đề nhanh chóng, điều quan trọng là phải can đảm tìm kiếm sự giúp đỡ ngay khi nhận ra.

まとめ Kết luận

「お金がないからお金が欲しい」という気持ちはよくわかりますし、限られた給料の中で毎月やりくりをすることはとても大変だと思います。しかし、闇バイトはれっきとした犯罪です。犯罪に加担してしまったら、家族や友だち、皆さんの周りの大切な人を悲しませることになります。楽に大金を稼げる仕事なんてありません。皆さんの大切な人と、何よりも皆さん自身を守る為にも闇バイトには絶対に手を出さないでください！

Chúng tôi hiểu rằng cảm giác “không có tiền nên cần tiền” là rất thực tế, và việc xoay sở với đồng lương hạn hẹp mỗi tháng là vô cùng khó khăn. Tuy nhiên, “công việc đen” là một hành vi phạm tội rõ ràng. Một khi đã dính vào, bạn sẽ khiến gia đình, bạn bè và những người thân yêu xung quanh đau khổ. Không có công việc nào mà bạn có thể kiếm tiền dễ dàng và nhanh chóng. Vì vậy, để bảo vệ bản thân và những người quan trọng đối với bạn, tuyệt đối không tham gia vào “công việc đen”!

何よりも安全最優先

Hơn bất cứ điều gì

AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

～ 事故を防ぐための第一歩 ～

安全意識と保護具・作業着の大切さ

～ Bước đầu tiên để ngăn ngừa tai nạn～

Tầm quan trọng của nhận thức về an toàn và thiết bị bảo hộ và quần áo khi làm việc

先月は、外国人労働者の事故が多い理由として、①安全意識が不十分、②日本語力が不十分、という説明をしました。今月は、安全意識を高めるポイントと、保護具や作業着を正しく着用する大切さについて考えてみましょう。

Tháng trước, chúng tôi đã giải thích rằng nguyên nhân khiến nhiều người lao động nước ngoài xảy ra tai nạn là ① chưa đủ nhận thức về an toàn, ② chưa đủ trình độ tiếng Nhật. Tháng này, chúng ta hãy suy nghĩ về các điểm nhằm nâng cao nhận thức về an toàn và tầm quan trọng của việc mang thiết bị bảo hộ và quần áo bảo hộ lao động đúng cách.

1.安全意識を持ち続ける Luôn có ý thức về an toàn

事故を防ぐために最も重要なことは何ですか？それは、「安全意識」を持ち続けることです。慣れや油断から、「たぶん大丈夫」と考えることは、非常に危険です。このような油断が原因で重大事故が発生しています。

例えば、保護具を身に着けなかったり、作業前に危険箇所の確認を怠ったりすることが、思わぬ事故につながります。安全意識を持ち続けることは、自分の命だけでなく、仲間や職場全体を守る第一歩です。日々の作業において、常に「安全第一」で取り組む姿勢を忘れないでください。

Điều quan trọng nhất cần làm để phòng ngừa tai nạn là gì? Điều quan trọng là duy trì “ý thức an toàn”. Sẽ cực kỳ nguy hiểm nếu nghĩ rằng “Có lẽ sẽ ổn thôi” theo thói quen hoặc do bất cẩn. Tai nạn nghiêm trọng đã xảy ra do sự bất cẩn như vậy.

Ví dụ, không đeo thiết bị bảo hộ hoặc không kiểm tra các khu vực nguy hiểm trước khi làm việc có thể dẫn đến những tai nạn không mong muốn.

Duy trì ý thức về an toàn là bước đầu tiên để bảo vệ không chỉ tính mạng của bạn mà còn của đồng nghiệp và toàn bộ nơi làm việc. Hãy luôn nhớ đặt “an toàn lên hàng đầu” trong công việc hàng ngày của mình.

2. 保護具や作業着を正しく着用する Mang thiết bị bảo hộ và quần áo làm việc đúng cách

保護具や作業着を正しく着用する習慣を身につけることは、事故を予防するために最も大切です。これらは義務ではなく、自分の命を守るための最低限の備えです。

Tập thói quen mặc quần áo bảo hộ lao động và làm việc đúng cách là phương pháp quan trọng nhất để ngăn ngừa tai nạn. Đây không phải là bắt buộc nhưng là những sự chuẩn bị tối thiểu bạn cần thực hiện để bảo vệ tính mạng của mình.

3. 日々の安全確認を習慣化する Biến việc kiểm tra an toàn hàng ngày thành thói quen

皆さんはいつも安全を一番に考えて作業をしていますか？ 忙しさのために、安全の大切さを忘れてしまっていないですか？

危険を予防するために、作業前に1分間で良いので安全確認の時間を取ることを習慣にしましょう。

私たちは安全対策の一環として、「Safety Card」を使った「作業前安全チェック」を奨励しています。是非、皆さんも実行してみてください。

Bạn có luôn đặt vấn đề an toàn lên hàng đầu khi làm việc không? Bạn có quên tầm quan trọng của sự an toàn vì lịch trình bận rộn của mình không?

Để phòng ngừa nguy hiểm, hãy tạo thói quen dành một phút để kiểm tra sự an toàn trước khi bắt đầu công việc.

Là một phần trong các biện pháp an toàn của chúng tôi, chúng tôi khuyến khích “kiểm tra an toàn trước khi làm việc” bằng “thẻ an toàn”. Nhất định mọi người hãy thử thực hiện nhé.

(注) Safety Card についてのお問い合わせは組合担当者までお願い致します

(Chú ý) Về hỏi đáp liên quan tới Safety card bạn hãy hỏi người phụ trách nghiệp đoàn nhé.

実習生の皆さんへ Gửi tới các bạn Thực tập sinh

安全意識を持ち続けてください。そして、保護具と作業着をいつも正しく着用してください！

Luôn giữ ý thức về an toàn. Cũng như luôn trang bị thiết bị bảo hộ và mặc quần áo lao động đúng cách!

日本語学習攻略法

Phương pháp học tiếng Nhật

私は最近“Duolingo”というアプリでインドネシア語を勉強しています。新しい言語を覚えるのは本当に大変で単語を覚えるのにもとても苦労しています。

世界で最も難しい言語のひとつと言われている日本語を勉強して、仕事までしている皆さんは本当に素晴らしいと思います。

“Gần đây, tôi đang học tiếng Indonesia qua một ứng dụng gọi là “Duolingo”. Việc học một ngôn ngữ mới thực sự rất khó khăn và tôi gặp rất nhiều khó khăn trong việc nhớ từ vựng. Tôi thật sự nghĩ rằng những người đang học tiếng Nhật, một trong những ngôn ngữ khó nhất thế giới, và còn làm việc nữa, thật sự là tuyệt vời.”

今月のテーマ

Đề tài tháng này

繰り返し練習の大切さ

Tầm quan trọng của việc luyện tập lặp đi lặp lại

同じ言葉を何度でも

nói đi nói lại những lời giống nhau

Duolingo では次のステップに進んでいくとどんどん新しい単語や文法が出てくるのですが、一度覚えた単語も時間が経つとどんどん忘れてしまいます。

Duolingo では、先に進んだあとに定期的に何回か前に勉強した課の復習の問題が出てきます。復習問題を解くことで、忘れかけていた単語を思い出し、1回目では覚えきれなかった単語を復習により定着させることができるようになりました。

Trong Duolingo, khi tiến đến bước tiếp theo, những từ vựng và ngữ pháp mới cứ tiếp tục xuất hiện, nhưng những từ đã học một lần thì dần dần bị quên đi khi thời gian trôi qua.

Trong Duolingo, sau khi tiến bộ, sẽ có những bài tập ôn tập từ các bài học đã học trước đó một cách định kỳ. Bằng cách giải quyết các bài ôn tập, tôi có thể nhớ lại những từ mà tôi gần như đã quên và củng cố những từ mà tôi không thể nhớ hết trong lần học đầu tiên.

新しい言葉だけでなく過去の言葉も

Không chỉ từ mới mà cả từ cũ

皆さんもどんどん新しい日本語を勉強していると思いますが、N4を目指している人はN5の復習、N3を目指している人はN4の復習、など一度戻って勉強することは基本を固めるためにもとても重要だと思います。

また、以前に勉強した部分を復習すると自分が着実に成長していることも感じられると思います。皆さんも「復習」を忘れずに、日本語の勉強を継続しましょう！

Không chỉ là những từ mới mà tôi nghĩ mọi người cũng đang học tiếng Nhật mới. Những người đang hướng tới N4 nên ôn lại N5, những người hướng tới N3 nên ôn lại N4, và tôi nghĩ việc quay lại học lại những bài học đã học là rất quan trọng để củng cố nền tảng.

Hơn nữa, khi ôn lại những phần đã học trước đó, tôi nghĩ bạn cũng có thể cảm nhận được sự tiến bộ vững chắc của mình. Hãy tiếp tục học tiếng Nhật và đừng quên “ôn tập” nhé!

先輩が教える Học từ người đi trước

日本語能力試験合格のヒケツ!

Bí quyết để đậu kì thi JLPT !

サンダーラインさん N3 合格 !

Bạn Sandarun (Đỗ N3)

私は 2023 年 7 月に日本に来ました、サンダーラインと申します。現在、愛媛県松山市で技能実習生として勤務しております。2024 年 7 月に、JLPT(日本語能力試験)N3 レベルに合格いたしました。

Tôi đến Nhật Bản vào tháng 7 năm 2023, tên tôi là Sandarun. Hiện tại, tôi đang làm việc như một thực tập sinh kỹ năng tại thành phố Matsuyama, tỉnh Ehime. Vào tháng 7 năm 2024, tôi đã đỗ kỳ thi năng lực tiếng Nhật JLPT trình độ N3.

N3に合格するために、日々努力を重ねてきました。文法や単語の学習に毎日1時間ほどを割り、コツコツと覚えるよう心がけました。また、漢字については、1日に10個程度を目安に書いたり覚えたりすることで、少しずつ知識を積み上げていきました。読解や聴解の練習には、日本語能力試験専用の問題集を活用し、本番を意識しながら繰り返し取り組みました。こうした日々の継続的な努力が、N3合格という成果につながったのだと思います。

Để đỗ kỳ thi N3, tôi đã nỗ lực không ngừng mỗi ngày. Tôi đã dành khoảng 1 giờ mỗi ngày để học ngữ pháp và từ vựng, và cố gắng ghi nhớ từng chút một. Về kanji, tôi đã viết và học khoảng 10 chữ mỗi ngày, dần dần tích lũy kiến thức. Để luyện tập đọc hiểu và nghe hiểu, tôi đã sử dụng các sách bài tập chuyên dụng cho kỳ thi năng lực tiếng Nhật và luyện tập lại nhiều lần, luôn chú ý đến bài thi thật. Tôi nghĩ rằng chính sự nỗ lực liên tục trong suốt thời gian qua đã giúp tôi đạt được kết quả đỗ N3.

初めて日本に来たときは、言葉や文化の違いに対して不安や心配を感じる事が多かったですが、時間が経つにつれて少しずつ慣れてきました。今では、日常生活や仕事にも十分に適応でき、周りの人々に助けられながら、充実した毎日を送っています。私たちの国には、利用者さんのために医療食品を作る作業はありません。ミャンマーにもこのような取り組みがあれば良いと感じており、将来的にはこの経験を母国に持ち帰りたいと思っています。

Khi lần đầu tiên đến Nhật Bản, tôi thường cảm thấy lo lắng và bất an về sự khác biệt trong ngôn ngữ và văn hóa, nhưng theo thời gian, tôi đã dần dần quen với môi trường mới. Hiện tại, tôi có thể thích ứng tốt với cuộc sống hàng ngày và công việc, và đang có một cuộc sống đầy đủ, được sự giúp đỡ của mọi người xung quanh. Ở đất nước của chúng tôi, không có công việc sản xuất thực phẩm y tế cho người sử dụng. Tôi cảm thấy nếu có những nỗ lực như vậy ở Myanmar thì sẽ rất tốt, và trong tương lai, tôi hy vọng có thể mang những kinh nghiệm này về quê hương.

仕事を努力して継続していける理由は職場の仲間との信頼関係が深まり、皆さんが優しく教えてくださったおかげです。お互いの強みを活かしながら働けることが大切だと感じています。日本に来てから、以前より日本語でのコミュニケーションができるようになって、仕事にも真面目に取り組むようになりました。また、時間の使い方を上手に

できるようになりました。将来的には調理免許を取得して、調理師として働きたいと考えています。

Lý do tôi có thể nỗ lực và tiếp tục công việc là nhờ vào mối quan hệ tin tưởng sâu sắc với các đồng nghiệp tại nơi làm việc, và nhờ sự chỉ dẫn tận tình từ mọi người. Tôi cảm thấy việc có thể làm việc với nhau, phát huy những điểm mạnh của mỗi người, là điều rất quan trọng. Kể từ khi đến Nhật Bản, tôi đã có thể giao tiếp bằng tiếng Nhật tốt hơn so với trước đây và đã trở nên nghiêm túc hơn trong công việc. Ngoài ra, tôi cũng đã học được cách sử dụng thời gian một cách hiệu quả hơn. Trong tương lai, tôi dự định sẽ có được giấy phép nấu ăn và làm việc như một đầu bếp.

日本に来た当初は、仕事や日本語、方言に戸惑うことがありましたが、日本人の先輩方が優しく教えてくださり、少しずつ慣れることができました。どんなに大変なことがあっても諦めず、自分の将来のために迷わず前に進んで、一緒に頑張りましょう。

Khi mới đến Nhật Bản, tôi đã gặp không ít khó khăn trong công việc, tiếng Nhật và các phương ngữ, nhưng nhờ sự chỉ bảo tận tình của các tiền bối người Nhật, tôi đã dần dần làm quen và thích ứng được. Dù có gặp phải những khó khăn nào, tôi sẽ không từ bỏ, và sẽ tiến về phía trước mà không do dự, vì tương lai của chính mình. Hãy cùng nhau cố gắng nhé!